



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN THÀNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN VỀ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán An Thành (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bình Đông	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Phú	Ủy viên
Ông Phạm Đức Toàn	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Toàn	Ủy viên
Ông Hà Huy Liệu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Ngọc Phú	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, đòi hỏi Ban Giám đốc của Công ty phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

Thầy mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Phú
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

Số: 110/2012/AP - BCKT

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN VỀ
KẾT QUẢ CÔNG VIỆC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần chứng khoán An Thành

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/6/2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 16 (sau đây gọi tắt là Báo cáo tài chính giữa niên độ). Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở soát xét

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 30/6/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương
Phó Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1396/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2012	1/1/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.111.234.042	41.126.054.364
I. Tiền	110	4	903.454.408	7.686.308.599
1. Tiền	111		903.454.408	7.686.308.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	21.185.425.000	16.127.425.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		21.451.225.000	16.393.225.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(265.800.000)	(265.800.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.536.488.326	16.739.598.877
1. Trả trước cho người bán	132		225.979.445	89.442.603
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	12.721.459.176	11.929.547.878
3. Các khoản phải thu khác	138	7	5.592.101.286	6.723.659.977
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(2.003.051.581)	(2.003.051.581)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.485.866.308	572.721.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		465.366.308	333.559.750
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.020.500.000	239.162.138
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.107.824.146	6.997.312.055
I. Tài sản cố định	220		3.625.039.798	4.390.681.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.618.607.070	2.019.141.104
- Nguyên giá	222		4.342.220.118	4.342.220.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.723.613.048)	(2.323.079.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.006.432.728	2.371.540.178
- Nguyên giá	228		3.552.270.000	3.525.370.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.545.837.272)	(1.153.829.822)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.482.784.348	2.606.630.773
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	980.077.006	1.201.138.564
2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	12	1.148.066.278	1.050.851.145
3. Tài sản dài hạn khác	268		354.641.064	354.641.064
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		47.219.058.188	48.123.366.419

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	1/1/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.538.964.008	10.311.908.818
I. Nợ ngắn hạn	310		10.234.085.543	10.007.030.353
2. Phải trả người bán	312		4.900.000	13.578.518
3. Người mua trả tiền trước	313		5.381.276	4.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	195.502.399	1.622.624.122
5. Phải trả người lao động	315		90.053.500	84.088.784
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	282.269.471	395.269.471
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	9.274.160.717	7.886.969.458
9. Doanh thu chưa thực hiện	328		381.818.180	-
II. Nợ dài hạn	330		304.878.465	304.878.465
1. Phải trả dài hạn khác	333		304.878.465	304.878.465
B. NGUỒN VỐN	400		36.680.094.180	37.811.457.601
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	36.680.094.180	37.811.457.601
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41.000.000.000	41.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		254.256.853	254.256.853
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		100.796.049	100.796.049
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		147.260.702	147.260.702
5. Lỗ lũy kế	420		(4.822.219.424)	(3.690.856.003)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47.219.058.188	48.123.366.419

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	30/6/2012	1/1/2012
6. Chứng khoán lưu ký	006	101.249.180.000	115.628.081.557
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	96.325.680.000	15.389.694.507
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của KH trong nước	009	96.325.680.000	15.389.694.507
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của KH nước ngoài	010	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	1.168.000.000	14.846.510.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	1.168.000.000	14.846.510.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	3.755.500.000	85.391.877.050
6.7.2 Chứng khoán chờ g/dịch của KH trong nước	039	3.755.500.000	85.391.877.050



Phạm Ngọc Phú
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

MẪU SỐ B 02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Từ 01/01/2012
		minh	đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.961.128.438
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.301.502.752
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.3		-
Doanh thu khác	01.9		2.659.625.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	17	3.961.128.438
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	3.169.147.791
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		791.980.647
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	1.959.495.617
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.167.514.970)
8. Thu nhập khác	31		36.151.549
9. Chi phí khác	32		-
10. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		36.151.549
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.131.363.421)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		
13. Lợi nhuận sau thuế	60		(1.131.363.421)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(276)



Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. <i>Lỗ trong kỳ</i>	01	(1.131.363.421)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	792.541.484
- Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(932.146.433)
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(1.270.968.370)
- (Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(1.675.442.444)
- Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	227.055.190
- (Tăng) giảm chi phí trả trước	12	89.255.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(2.630.100.624)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và đầu tư xây dựng	21	(26.900.000)
3. Lãi tiền gửi ngân hàng	23	918.657.433
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(35.210.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	30.152.000.000
7. Cổ tức được chia	27	13.489.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(4.152.753.567)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(6.782.854.191)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	7.686.308.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	903.454.408



Phạm Ngọc Phú
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần chứng khoán An Thành (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 64/UBCK-GP ngày 28/11/2007 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 297/UBCK-GP ngày 25/01/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại Tầng 1 – Tòa nhà 18T2 – Trung Hòa Nhân Chính – Quận Thanh Xuân – Hà Nội. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 20 người.

Ngành, nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được lập theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, phục vụ cho việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung.

2. ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư có hiệu lực áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính từ năm 2011. Ban Giám đốc đang nghiên cứu để áp dụng theo hướng dẫn của Thông tư 210 trong thời gian tới, tuy nhiên Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày số liệu đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành lượng tiền xác định. Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi Ngân hàng của Công ty và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán: bao gồm các tài khoản giao dịch, trung gian thanh toán bù trừ, thanh toán cổ tức và các tài khoản trung gian thanh toán khác cho các mục đích khác nhau của Công ty chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty, được phản ánh trên Báo cáo tài chính theo giá mua. Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty áp dụng theo Thông tư 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, dựa trên các thông tin về giá giao dịch của cổ phiếu trên thị trường (trong trường hợp cổ phiếu đã niêm yết hoặc thị trường UPCOM) hoặc dựa trên xét đoán của Ban Giám đốc về mức độ tổn thất của các khoản đầu tư ngắn hạn theo thực tế hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đầu tư và các thông tin khác trên thị trường chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu nợ khó đòi

Các khoản phải thu bao gồm phải thu khách hàng về cung cấp dịch vụ (môi giới, tư vấn) và các khoản phải thu khác về hoạt động giao dịch chứng khoán. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với các khoản nợ có bằng chứng về việc không thể thu hồi được.

Các khoản phải trả về giao dịch chứng khoán

Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền công ty nhận được từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

Các khoản phải trả hộ về cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải thanh toán hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán và phần mềm kế toán, được hạch toán theo giá mua trừ hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của từng loại tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian (năm)</u>
Máy móc thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3
Phần mềm quản lý	3-5

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí phát sinh được Công ty ước tính có thể đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai và được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2-3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Khoản nộp cho quỹ hỗ trợ thanh toán được dùng phục vụ cho mục đích thanh toán bù trừ của Công ty chứng khoán với Trung tâm lưu ký chứng khoán, được đóng định kỳ theo thông báo của Trung tâm lưu ký. Tiền lãi hàng năm được nhập gốc và được coi là thu nhập của Công ty chứng khoán.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thu tiền.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức, cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh dựa trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu cung cấp dịch vụ và Doanh thu khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi Ngân hàng được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi phát sinh

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp pháp cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. Tiền

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	43.869.070	1.381.301.845
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	43.571.428	224.863.296
Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư	816.013.910	6.080.143.458
Tổng cộng	<u>903.454.408</u>	<u>7.686.308.599</u>

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chứng khoán thương mại		
- Chứng khoán chưa niêm yết	1.251.225.000	1.251.225.000
	<u>1.251.225.000</u>	<u>1.251.225.000</u>
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	20.200.000.000	15.142.000.000
	<u>20.200.000.000</u>	<u>15.142.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(265.800.000)	(265.800.000)
Tổng cộng	<u>21.185.425.000</u>	<u>16.127.425.000</u>

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

	<u>Số lượng (CP)</u>		<u>Giá trị theo sổ kế toán</u>	
	<u>01/01/2012</u>	<u>30/6/2012</u>	<u>01/01/2012</u>	<u>30/6/2012</u>
Cổ phiếu			VND	VND
CTCP Thép Biên Hòa	45.000	45.000	1.250.500.000	1.250.500.000
CTCP Dược Hà Tây	23	23	725.000	725.000
Cộng	<u>45.023</u>	<u>45.023</u>	<u>1.251.225.000</u>	<u>1.251.225.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6. Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu tiền tạm ứng bán chứng khoán	479.696.952	455.937.916
Phải thu về hợp tác kinh doanh (cho vay cầm cố)	12.241.762.224	11.473.609.962
Tổng cộng	<u>12.721.459.176</u>	<u>11.929.547.878</u>

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	5.305.453	5.223.494
Bảo hiểm y tế	1.226.118	1.226.118
Các khoản phải thu khác	5.585.569.715	6.717.210.365
Tổng cộng	<u>5.592.101.286</u>	<u>6.723.659.977</u>

8. Trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ tồn đọng kéo dài, do các đối tượng chiếm dụng vốn của Công ty. Công ty đang áp dụng nhiều biện pháp để đối chiếu, đơn đốc và thu hồi nợ và đã trích lập dự phòng với mức 30% số nợ phải thu khó đòi với số tiền trích lập là 2.003 triệu đồng và đã hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh năm 2011 (năm 2010 mức dự phòng là 0). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng mức trích dự phòng như trên là thận trọng, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp năm 2011. Không có bất kỳ khoản dự phòng cần trích lập bổ sung cho kỳ hoạt động từ 1/1/2012 đến 30/6/2012.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	140.429.935	215.820.473
Chi phí bản quyền diệt vi rut	23.959.994	35.940.000
Chi phí sửa chữa cải tạo	778.118.779	897.721.678
Chi phí chứng thư số quốc tế	37.568.298	51.656.413
Tổng cộng	<u>980.077.006</u>	<u>1.201.138.564</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	3.846.426.198	495.793.920	4.342.220.118
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	3.846.426.198	495.793.920	4.342.220.118
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	2.128.893.062	194.185.952	2.323.079.014
Trích khấu hao	375.744.338	24.789.696	400.534.034
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	2.504.637.400	218.975.648	2.723.613.048
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	1.717.533.136	301.607.968	2.019.141.104
Tại ngày 30/06/2012	1.341.788.798	276.818.272	1.618.607.070

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	3.525.370.000	3.525.370.000
Tăng trong năm	26.900.000	26.900.000
- Mua sắm mới	26.900.000	26.900.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 30/06/2012	3.552.270.000	3.552.270.000
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	1.153.829.822	1.153.829.822
Tăng trong năm	392.007.450	392.007.450
- Trích khấu hao	392.007.450	392.007.450
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 30/06/2012	1.545.837.272	1.545.837.272
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	2.371.540.178	2.371.540.178
Tại ngày 30/06/2012	2.006.432.728	2.006.432.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	655.263.428	655.263.428
Tiền nộp bổ sung	366.071.927	366.071.927
Tiền lãi phân bổ trong năm	126.730.923	29.515.790
Tổng cộng	<u>1.148.066.278</u>	<u>1.050.851.145</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	63.191.647	67.635.584
Thuế Thu nhập cá nhân	132.310.752	1.554.988.538
Tổng cộng	<u>195.502.399</u>	<u>1.622.624.122</u>

14. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội		-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.073.471	1.073.471
Các khoản phải trả, phải nộp khác	281.196.000	394.196.000
Tổng cộng	<u>282.269.471</u>	<u>395.269.471</u>

15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền giao dịch của các nhà đầu tư	7.111.368.717	6.080.345.390
Thanh toán chờ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.162.792.000	1.806.624.068
Tổng cộng	<u>9.274.160.717</u>	<u>7.886.969.458</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lỗ lũy kế VND
Số dư tại 01/01/2011	41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	-	1.512.775.040
Tăng trong năm	-	-	-	100.796.049	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(5.203.631.043)
Số dư tại 01/01/2012	41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	100.796.049	(3.690.856.003)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(1.131.363.421)
Số dư 30/06/2012	41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	100.796.049	(4.822.219.424)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số tiền đăng ký VND	Số tiền thực góp VND
Cổ đông sáng lập	2.585.000	63,05%	25.850.000.000	25.850.000.000
1. Ông Phạm Ngọc Phú	1.080.000	26,34%	10.800.000.000	10.800.000.000
2. Ông Phạm Đức Toàn	795.000	19,39%	7.950.000.000	7.950.000.000
3. Công ty TNHH Viễn Đông II	700.000	17,07%	7.000.000.000	7.000.000.000
4. Ông Nguyễn Hữu Long	10.000	0,24%	100.000.000	100.000.000
Cổ đông khác	1.515.000	36,95%	15.150.000.000	15.150.000.000
	4.100.000	100,00%	41.000.000.000	41.000.000.000

17. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.961.128.438
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.301.502.752
Doanh thu hoạt động tư vấn	-
Doanh thu khác	2.659.625.686
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.961.128.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

18. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
Chi phí hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán	771.712.203
Chi phí trực tiếp chung, trong đó:	2.397.435.588
- Chi phí nhân viên	142.795.779
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	755.860.040
- Chi phí dự phòng kinh doanh chứng khoán	-
- Chi phí bằng tiền khác	1.498.779.769
Tổng cộng	3.169.147.791

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.201.133.227
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	36.327.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.681.444
Thuế, phí và lệ phí	137.240.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.699.469
Chi phí bằng tiền khác	148.413.291
Tổng cộng	1.959.495.617

20. Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

21. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

22. Số liệu so sánh

Là số liệu phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 1/1/2012 đã được kiểm toán, một số số liệu đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu trên Báo cáo tài chính năm hiện tại